TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226 /2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 8 -2022
"V/v Ly hôn giữa chị Y và anh N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **ĐỖ DUY HỪNG**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210a /2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Cẩm Y**, sinh năm 1996.
Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: ấp 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh **Mai Hoàng N**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: tổ 15, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm Y tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải trình bày: Chị với anh N tiến đến hôn nhân năm 2017 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, anh N còn đánh chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Trương P, sinh ngày 14/8/2018, hiện đang sống với chị.

Tài sản chung: Không tranh chấp.

Nợ chung: Không có.

Chị Y xin được ly hôn với N. Con chung chị yêu cầu nuôi, yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng.

Tại phiên tòa, chị Y kiên quyết ly hôn anh N. Chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có.

- Bị đơn anh Mai Hoàng N tại tờ tự khai, biên bản hòa giải trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Y về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2021 do lúc cha anh mất thì chị Y kiếm chuyện gây gổ nên anh buồn bỏ nhà đi. Hiện anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Y nuôi con chung, anh không đồng ý cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, anh N đồng ý ly hôn chị Y. Anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn anh N, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Y và N tiến đến hôn nhân năm 2017 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, đăng ký kết hôn cùng năm. Tuy nhiên, anh chị chung sống hạnh phúc 01 thời gian ngắn đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 01/2022. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi nhau. Tại phiên tòa, chị Y và anh N thống nhất ly hôn nhau. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị Y được ly hôn với anh N là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Mai Trương P, sinh ngày 14/8/2018, hiện đang sống cùng chị Y. Cả chị Y và anh N đều yêu cầu nuôi cháu An khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy cháu P được chị Y nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay, cháu P cũng còn nhỏ lại là con gái cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu P cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa Chị Y không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Cẩm Y.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Cẩm Y được ly hôn với anh Mai Hoàng N.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Mai Trương P, sinh ngày 14/8/2018 cho chị Trương Thị Cẩm Y tiếp tục nuôi dưỡng.

2.2. Anh Mai Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Cẩm Y phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009791 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4.3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Y và anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH